

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 6918/BTC-TCHQ

V/v hướng dẫn thủ tục hải quan đối
với hàng hóa chuyên cảng, quá cảnh,
trung chuyển

Hà Nội, ngày 27 tháng 5 năm 2014

Kính gửi: Cục Hải quan các tỉnh, thành phố.

Để nâng cao hiệu quả, tăng cường năng lực cạnh tranh của các Doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng biển; tạo điều kiện cho Doanh nghiệp kinh doanh vận tải hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu. Bộ Tài chính hướng dẫn thủ tục hải quan đối với hàng hóa trung chuyển; hàng quá cảnh đóng ghép chung container với hàng nhập khẩu, hàng xuất khẩu vận chuyển đường bộ như sau:

1) Thủ tục hải quan đối với hàng hóa trung chuyển:

Khi làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa đưa vào, đưa ra cảng trung chuyển theo quy định tại Điều 47 Thông tư số 128/2013/TT-BTC ngày 10/9/2013 của Bộ Tài chính, Chi cục Hải quan nơi làm thủ tục hướng dẫn doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ trung chuyển lập và kê khai số container, không phải kê khai số seal tại cột số 4 bảng kê mẫu số 30/BKTrC/2013 phụ lục III ban hành kèm Thông tư số 128/2013/TT-BTC ngày 10/09/2013 của Bộ Tài chính.

Trường hợp, nghi ngờ, có dấu hiệu vi phạm pháp luật, Lãnh đạo Chi cục Hải quan nơi làm thủ tục chỉ đạo kiểm tra, đối chiếu hàng hóa đóng trong container trung chuyển với bản kê hàng hóa.

2) Hàng nhập khẩu chuyển cảng đến nhiều cảng đích khác nhau đóng chung container:

2.1. Đối với hàng hóa nhập khẩu chuyển cảng đến nhiều cảng đích khác nhau đóng chung container, việc chia tách thực hiện tại kho CFS; đối với những cảng quốc tế mà chưa thành lập kho CFS thì việc chia tách hàng hóa trong cảng quốc tế (bao gồm cả Tân Cảng – Cái Mép(TCIT)) được thực hiện tại khu vực riêng thuộc cảng và phải chịu sự giám sát của Hải quan.

Khu vực riêng để sử dụng cho hoạt động chia tách hàng hóa trong cảng quốc tế phải được thông báo cho cơ quan Hải quan và đáp ứng các điều kiện giám sát của cơ quan Hải quan.

2.2. Đối với trường hợp làm thủ tục hải quan để chuyển cảng hàng hóa từ cảng nhập về cảng dỡ hàng (chuyển cảng lần 1) và từ cảng dỡ hàng đến cảng đích (chuyển cảng lần 2), thực hiện như sau:

a) Nguyên tắc thực hiện thủ tục hải quan, quản lý, giám sát hải quan theo quy định đối với hàng chuyển cảng tại Điều 16, Điều 17 Nghị định số

154/2005/NĐ-CP ngày 15/12/2005 của Chính phủ; hướng dẫn tại Khoản 1.2 Điều 3 Phần 1, Điều 5 Mục 1 Phần 2 Quy trình ban hành kèm theo Quyết định số 2406/QĐ-TCHQ ngày 04/11/2011 của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan;

b) Trách nhiệm của người vận tải:

b1) Lựa chọn làm thủ tục hải quan chuyên cảng tại cảng nhập quốc tế chia tách chuyên cảng tiếp về các cảng đích ghi trên vận đơn, hoặc làm thủ tục hải quan để chuyển cảng hàng hoá từ cảng nhập quốc tế về cảng dỡ hàng quốc tế (chuyển cảng lần 1) và từ cảng dỡ hàng quốc tế về cảng đích (chuyển cảng lần 2);

b2) Thực hiện điểm a khoản 3 tại Điều 17 Nghị định 154/2005/NĐ-CP ngày 15/12/2005 của Chính phủ.

c) Trách nhiệm của Hải quan cảng nhập quốc tế:

Thực hiện đúng quy định tại điểm b khoản 3 tại Điều 17 Nghị định số 154/2005/NĐ-CP ngày 15/12/2005 của Chính phủ ghi rõ trên biên bản bàn giao nội dung “chuyển cảng lần 1” và các công việc qui định tại khoản 1 Điều 5 Quyết định số 2406/QĐ-TCHQ ngày 04/11/2011 của Tổng cục trưởng Tổng Hải quan.

d) Trách nhiệm của Hải quan cảng dỡ hàng quốc tế:

Làm thủ tục chuyển cảng đối với hàng hóa đáp ứng đủ điều kiện để làm thủ tục chuyển cảng về cảng đích/ địa điểm giao hàng ghi trên vận đơn khác cảng dỡ hàng quốc tế:

d1) Thực hiện đúng quy định tại điểm c khoản 3 tại Điều 17 Nghị định số 154/2005/NĐ-CP ngày 15/12/2005 của Chính phủ; khoản 2 Điều 5 Quyết định số 2406/QĐ-TCHQ ngày 04/11/2011 của Tổng cục trưởng Tổng Hải quan và ghi rõ trên biên bản bàn giao nội dung “chuyển cảng lần 2”;

d2) Đồng thời, thông báo (gửi fax) cho Hải quan cảng nhập về việc tiếp nhận hàng hoá, hồ sơ chuyển cảng và tình hình hàng hoá chuyển cảng và thực hiện các công việc qui định tại khoản 2 Điều 5 Quyết định số 2406/QĐ-TCHQ ngày 04/11/2011 của Tổng cục trưởng Tổng Hải quan hoặc trên hệ thống VNACCS/ VCIS (nếu đã áp dụng).

đ) Trách nhiệm của Hải quan cảng đích:

đ1) Thực hiện quy định tại điểm c khoản 3 tại Điều 17 Nghị định số 154/2005/NĐ-CP ngày 15/12/2005 của Chính phủ và

đ2) Đồng thời, thông báo (gửi fax) cho hải quan cảng dỡ hàng quốc tế, hải quan cảng nhập quốc tế về việc tiếp nhận hàng hoá, hồ sơ chuyển cảng và tình hình hàng hoá chuyển cảng và thực hiện các công việc qui định tại khoản 2 Điều 5 Quyết định số 2406/QĐ-TCHQ ngày 04/11/2011 của Tổng cục trưởng Tổng Hải quan hoặc trên hệ thống VNACCS/ VCIS (nếu đã áp dụng).

3) Hàng quá cảnh đóng ghép chung container với hàng nhập khẩu, hàng xuất khẩu:

3.1. Nguyên tắc chung:

Hàng hoá quá cảnh qua lãnh thổ Việt Nam sang nước thứ 3 tuân thủ theo quy định tại Điều 40 Luật Hải quan; Mục 5 Luật Thương mại; Điều 19 Nghị định số 154 của Chính phủ và Chương VII Nghị định số 187/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hoá quốc tế và các hoạt động đại lý mua, bán, gia công và quá cảnh hàng hoá với nước ngoài.

3.2. Quy định đối với hàng hóa quá cảnh đóng ghép chung container với hàng nhập khẩu chuyển cảng:

a) Hàng hoá quá cảnh qua lãnh thổ Việt Nam là hàng hoá nhỏ lẻ được đóng ghép chung container với hàng hoá nhập khẩu nhỏ lẻ chuyển cảng; hàng nguyên container phải quá cảnh hoặc chuyển cảng nguyên container không chia tách;

b) Hàng hoá quá cảnh, hàng hoá nhập khẩu chuyển cảng được đóng ghép chung container phải được đóng gói riêng biệt (kiện, thùng, bao bì...), được đánh số - ký hiệu bên ngoài từng bao bì để phân biệt hàng hoá quá cảnh, hàng nhập khẩu và đảm bảo công tác giám sát, quản lý của cơ quan Hải quan và các cơ quan chức năng liên quan;

c) Hàng hoá quá cảnh/ hàng hoá nhập khẩu chuyển cảng là hàng rời/ không có đóng gói riêng biệt thì không được đóng ghép chung container;

d) Hàng quá cảnh theo quy định tại điểm a, b của khoản 1 Điều 242 của Luật Thương mại không được đóng ghép chung container với hàng nhập khẩu chuyển cảng;

đ) Hàng quá cảnh chỉ được đóng chung container với hàng nhập khẩu chuyển cảng có cùng cửa khẩu/ cảng đích ghi trên vận đơn theo hợp đồng vận tải là cửa khẩu quốc tế đối với hàng quá cảnh theo quy định hiện hành.

3.3. Quy định đối với hàng hóa quá cảnh đã làm thủ tục đóng ghép chung container với hàng hoá xuất khẩu đã làm thủ tục:

a) Hàng hoá quá cảnh đã làm thủ tục được đóng ghép chung container với hàng hoá xuất khẩu nhỏ lẻ đã làm thủ tục;

b) Hàng hoá quá cảnh đã làm thủ tục được vận chuyển cùng với hàng xuất khẩu đã làm thủ tục chuyển cửa khẩu từ chi cục hải quan (nơi làm thủ tục xuất khẩu) đến cửa khẩu xuất để xuất ra nước ngoài;

c) Hàng hoá quá cảnh/ hàng hoá xuất khẩu chuyển cửa khẩu là hàng rời/ không phải hàng nhỏ lẻ/ không có quy cách đóng gói riêng biệt thì không được đóng ghép chung container;

d) Hàng quá cảnh chỉ được đóng chung container với hàng xuất khẩu chuyển cửa khẩu có cùng cửa khẩu xuất là cửa khẩu quốc tế đối với hàng quá cảnh theo quy định hiện hành.

3.4. Về tuyến đường, cửa khẩu:

Tuyến đường và cửa khẩu đối với phương tiện vận tải vận chuyển hàng hoá quá cảnh, hàng nhập khẩu chuyên cảng, hàng xuất khẩu chuyên cửa khẩu thực hiện theo quy định hiện hành.

3.5. Về địa điểm làm thủ tục Hải Quan:

- Đối với hàng hoá quá cảnh, hàng nhập khẩu chuyên cảng thực hiện thủ tục hải quan tại Chi cục Hải quan cảng dỡ hàng.
- Đối với hàng xuất khẩu thực hiện thủ tục hải quan tại địa điểm làm thủ tục hải quan theo quy định hiện hành.

3.6. Một số hướng dẫn cụ thể:

a) Đối với hàng hoá quá cảnh đóng ghép chung container với hàng hoá nhập khẩu chuyên cảng:

a.1. Khi chuyển hàng (bao gồm hàng quá cảnh và hàng nhập khẩu chuyên cảng) đến cửa khẩu nhập thì chuyển hàng được người vận tải tiếp tục vận chuyển đến cảng dỡ hàng (bao gồm các cảng biển quốc tế và ICD có CFS);

a.2. Chi cục Hải Quan các cửa khẩu nhập thực hiện công việc dưới đây:

a.2.1. Đối với hàng hoá chuyên cảng:

Thực hiện theo quy trình nghiệp vụ quản lý, giám sát hải quan đối với hàng hoá nhập khẩu chuyên cảng; hàng hoá quá cảnh; hàng hoá đưa vào, đưa ra cảng trung chuyển ban hành kèm theo quy định số 2406/QĐ-TCHQ ngày 04/11/2011 của Tổng cục hải quan.

a.2.2. Đối với hàng hoá quá cảnh:

- Công chức tiếp nhận từ người khai hải quan hoặc người đại diện 01 bản chụp (có đóng dấu xác nhận của doanh nghiệp) kê khai quá cảnh hải quan (có xuất trình bản chính), kiểm tra các điều kiện quy định tại khoản điểm 3.2 nêu trên; kiểm tra, đối chiếu nội dung giữa bản chính với bản sao; ký xác nhận đóng dấu công chức trên bản sao và bản chính;

- Lập 02 phiếu chuyển hàng hoá quá cảnh (theo mẫu HQ-PCHQC ban hành kèm theo công văn này);

- Niêm phong hồ sơ của chuyển hàng (dưới đây gọi tắt là hồ sơ) gồm: Các chứng từ liên quan đến hàng hoá nhập khẩu chuyên cảng quy định tại quyết định số 2406/QĐ-TCHQ ngày 04/11/2011 của Tổng cục hải quan, bản kê khai hàng hoá quá cảnh (01 bản chính có đóng dấu tiếp nhận, ký tên, đóng dấu công chức), 01 phiếu chuyển hàng hoá quá cảnh;

- Giao hồ sơ cho doanh nghiệp để doanh nghiệp chuyển cho hải quan cảng dỡ hàng;

- Tiếp nhận bản fax phiếu chuyển hàng hoá quá cảnh do Chi cục Hải quan cảng dỡ hàng xác nhận và gửi (hồi báo) để thực hiện thanh khoản hồ sơ; nhập dữ liệu vào máy tính/ vào sổ quản lý theo dõi hàng hoá quá cảnh, nội dung quản lý gồm các tiêu chí tại phiếu chuyển hàng hoá quá cảnh; lưu hồ sơ theo quy định;

- Việc theo dõi quá trình vận chuyển hàng hóa quá cảnh trên cơ sở tuyến đường, thời gian quá cảnh đã được đăng ký hoặc theo Giấy phép. Trường hợp hết hạn vận chuyển quá cảnh mà chưa nhận được phản hồi thì chủ động liên lạc với Hải quan cửa khẩu dỡ hàng để xác minh, làm rõ;

- Mỗi tháng, trước ngày 05 tháng tiếp theo, Chi cục Hải quan cửa khẩu nhập căn cứ phiếu chuyển hàng hoá quá cảnh và hồi báo của Chi cục Hải quan cảng dỡ hàng để thực hiện thống kê, rà soát, thanh khoản hồ sơ.

a.3. Chi cục hải quan cảng dỡ hàng thực hiện các công việc dưới đây:

a.3.1. Đối với hàng hóa chuyển cảng:

Thực hiện theo quy trình nghiệp vụ quản lý, giám sát hải quan đối với hàng hoá nhập khẩu chuyển cảng ban hành kèm theo quy định số 2406/QĐ-TCHĐ ngày 04/11/2011 của Tổng cục Hải quan.

a.3.2. Đối với hàng quá cảnh:

- Công chức xác nhận trên phiếu chuyển hàng hoá quá cảnh về kết quả thực tế tiếp nhận hàng quá cảnh (kiểm tra, đối chiếu thông tin về hàng quá cảnh trên phiếu chuyển với thực tế tiếp nhận); ngay sau khi hoàn thành việc xác nhận trên phiếu chuyển, công chức fax phiếu chuyển (hồi báo) cho Chi cục Hải quan cửa khẩu nhập để thực hiện thanh khoản hồ sơ.

- Giám sát việc doanh nghiệp dỡ hàng từ phương tiện vận tải để đưa hàng vào kho CFS, dỡ niêm phong để làm thủ tục chia tách theo quy định.

a.3.3. Thủ tục hải quan đối với hàng hoá quá cảnh.

Thủ tục thực hiện theo quy định tại Điều 19 Nghị định số 154/2005/NĐ-CP ngày 15/12/2005 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hải quan về thủ tục, chế độ kiểm tra, giám sát hải quan.

a.3.4. Thủ tục Hải quan đối với hàng nhập khẩu.

Thực hiện thủ tục hải quan theo quy định đối với từng loại hàng hoá nhập khẩu tương ứng.

a.3.5. Thủ tục hải quan đối với hàng hoá nhập khẩu chuyển cảng.

Thủ tục thực hiện theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 154/2005/NĐ-CP ngày 15/12/2005 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hải quan về thủ tục, chế độ kiểm tra, giám sát hải quan.

b) Đối với hàng hoá quá cảnh đã làm thủ tục đóng ghép chung container với hàng hoá xuất khẩu đã làm thủ tục.

b.1. Hàng hoá quá cảnh đã làm thủ tục được vận chuyển cùng với hàng xuất khẩu đã làm thủ tục chuyển cửa khẩu từ Chi cục Hải quan cảng dỡ hàng đến cửa khẩu xuất quốc tế để xuất ra nước ngoài.

b.2. Chi cục Hải quan cảng dỡ hàng thực hiện các công việc dưới đây:

b.2.1. Đối với hàng hoá xuất khẩu chuyển cửa khẩu:

Thủ tục đối với hàng xuất khẩu chuyển cửa khẩu thực hiện theo quy trình nghiệp vụ quản lý hải quan đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu chuyển cửa khẩu ban hành kèm theo Quyết định số 209/QĐ-TCQH ngày 29/01/2011 của Tổng cục Hải quan.

b.2.2. Đối với hàng hoá quá cảnh:

- Giám sát việc doanh nghiệp đưa hàng từ kho chứa hàng để làm thủ tục hải quan/ xếp hàng lên phương tiện vận tải (đã làm thủ tục hải quan) đóng chung container với hàng xuất khẩu đã làm thủ tục hải quan để vận chuyển đến cửa khẩu xuất quốc tế;

- Lập 02 phiếu chuyển hàng hoá quá cảnh (theo mẫu HQ-PCHQC ban hành kèm theo công văn này);

- Niêm phong hồ sơ của chuyển hàng (dưới đây gọi tắt là hồ sơ), hồ sơ gồm: các chứng từ liên quan đến hàng xuất khẩu chuyển cửa khẩu quy định tại Quy trình nghiệp vụ quản lý hải quan đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu chuyển cửa khẩu ban hành kèm theo quyết định số 209/QĐ-TCHQ ngày 29/01/2011 của Tổng cục Hải quan, bản kê khai hàng hoá quá cảnh (01 bản chính có đóng dấu tiếp nhận, ký tên, đóng dấu công chức), tờ khai hàng hoá quá cảnh (bản lưu người khai hải quan), 01 phiếu chuyển hàng hoá quá cảnh.

- Giao hồ sơ cho doanh nghiệp để doanh nghiệp chuyển cho Chi cục Hải quan cửa khẩu xuất quốc tế;

- Tiếp nhận bản fax phiếu chuyển hàng quá cảnh do Chi cục Hải quan cửa khẩu xuất quốc tế xác nhận và gửi (hồi báo) để làm căn cứ yêu cầu doanh nghiệp xuất trình tờ khai hàng hoá quá cảnh (bản người khai hải quan lưu) có xác nhận thực xuất của Chi cục Hải quan cửa khẩu xuất quốc tế thực hiện thanh khoản hồ sơ; nhập dữ liệu vào máy tính/ vào sổ quản lý theo dõi chuyển hàng, nội dung quản lý gồm các tiêu chí tại phiếu chuyển hàng hoá quá cảnh; lưu hồ sơ theo quy định;

- Mỗi tháng, trước ngày 05 tháng tiếp theo, Chi cục Hải quan cửa cảng dỡ hàng căn cứ phiếu chuyển hàng hoá quá cảnh và hồi báo của Chi cục Hải quan cửa khẩu xuất quốc tế để thực hiện thống kê, rà soát thanh khoản hồ sơ.

b.3. Chi cục Hải quan cửa khẩu xuất quốc tế thực hiện các công việc dưới đây:

- Việc tiếp nhận hồ sơ và chuyển hàng thực hiện theo quy trình nghiệp vụ quản lý hải quan đối với hàng hoá xuất khẩu chuyển cửa khẩu ban hành kèm theo Quyết định số 209/QĐ-TCHQ ngày 29/01/2011 của Tổng cục Hải quan.

- Đối với hàng hoá quá cảnh: Công chức xác nhận kết quả đối chiếu thông tin về hàng quá cảnh trên phiếu chuyển với thực tế tiếp nhận; ngay sau khi hoàn thành việc xác nhận trên phiếu chuyển, công chức fax phiếu chuyển (hồi báo) cho Chi cục Hải quan cảng dỡ hàng/ Chi cục Hải quan cửa khẩu nhập quốc tế (đối với hàng quá cảnh) để thực hiện thanh khoản hồ sơ.

4) Giám sát hàng hóa xuất khẩu chuyển cảng:

Trường hợp có thay đổi thông tin tàu xuất so với thông tin ban đầu đã thông báo cho cơ quan hải quan, hãng tàu/người được hãng tàu ủy quyền phải có văn bản thông báo (bằng fax hoặc thư điện tử và nộp bản chính sau, trong đó nêu rõ lý do thay đổi thông tin tàu xuất và cam kết chịu trách nhiệm trong trường hợp sai phạm) gửi Chi cục Hải quan cửa khẩu xuất. Trên cơ sở văn bản thông báo của hãng tàu, Chi cục Hải quan cửa khẩu xuất thực hiện việc giám sát theo quy định. Sau khi hoàn thành việc giám sát, Chi cục hải quan cửa khẩu xuất sẽ fax cho Chi cục Hải quan cảng làm thủ tục xuất khẩu biên bản giao kèm theo văn bản thông báo của hãng tàu để Chi cục Hải quan cửa khẩu làm thủ tục xuất khẩu theo dõi, cập nhật thông tin và lưu trữ theo quy định.

Bộ Tài chính hướng dẫn Cục Hải quan tỉnh, thành phố thực hiện. *h*

Nơi nhận:

- Như trên;
- BT Đinh Tiến Dũng (để b/c);
- Cục HQ BR-VT (thay trả lời công văn số 2831/HQBRVT-GSQL ngày 02/10/2013);
- Công ty Cổ phần GNVN đường bộ VN (thay trả lời CV số 001-14/OTL VN ngày 15/01/2014)
- Lưu: VT, TCHQ (45 b).



KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Đỗ Hoàng Anh Tuấn

CƠ QUAN CHỦ QUẢN
CƠ QUAN BAN HÀNH VĂN BẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/PC-CQBHVB

PHIẾU CHUYỂN
HÀNG HÓA QUÁ CẢNH ĐÓNG GHÉP CHUNG CONTAINER VỚI HÀNG HÓA NHẬP KHẨU /
HÀNG HÓA XUẤT KHẨU BẰNG ĐƯỜNG BỘ

I. Phần dành cho Chi cục Hải quan nơi lập phiếu:

Kính chuyển Chi cục Hải quan:.....
Lô hàng quá cảnh đóng ghép chung cont. với hàng nhập khẩu/xuất khẩu được vận chuyển đến Chi cục Hải quan..... để làm thủ tục hải quan.
Thời gian chuyển: hồi.....giờ.....ngày.....tháng.....năm 20.....
Dự kiến thời gian đến Chi cục Hải quan.....hồi.....giờ.....ngày.....tháng.....năm 20.....
Phương tiện vận chuyển:.....; Số phương tiện vận chuyển:.....
Số lượng túi, gói:.....; số hiệu cont.(nếu có):.....; tổng trọng lượng:.....
Niêm phong hăng vận tải:.....
Niêm phong hải quan:.....
Giấy tờ kèm theo:.....

Công chức Hải quan lập phiếu chuyển ký tên, đóng dấu công chức.....
Nhân viên doanh nghiệp vận chuyển hàng hóa ký tên, ghi rõ họ tên:.....

II. Phần dành cho Chi cục Hải quan nơi tiếp nhận phiếu chuyển:

Thời gian tiếp nhận: hồi.....giờ.....ngày.....tháng.....năm 20.....
Xác nhận tình trạng thực tế về niêm phong hải quan, niêm phong hăng vận tải:
.....
.....
.....

Công chức Hải quan nơi tiếp nhận phiếu chuyển ký tên, đóng dấu công chức.....
Nhân viên doanh nghiệp nơi tiếp nhận hàng hóa ký tên, ghi rõ họ tên:.....

CHI CỤC HẢI QUAN NƠI LẬP PHIẾU
Ngày tháng năm 20.....
(công chức ký tên, đóng dấu công chức)

CHI CỤC HẢI QUAN NƠI TIẾP NHẬN PHIẾU
Ngày tháng năm 20.....
(công chức ký tên, đóng dấu công chức)

Ghi chú: Nếu hàng quá cảnh đóng ghép chung với hàng nhập khẩu thì gạch bỏ chữ xuất khẩu và ngược lại.